**ĐÁP ÁN ĐỊA 11 TỰ NHIỆN**

**Câu 1: Nêu Vị trí địa lí và lãnh thỗ Trung Quốc? (2đ)**

- Đất nước có diện tích rộng lớn (thứ 4 thế giới), nằm trong khu vực Trung – Đông Á.

- Giới hạn lãnh thổ:

+ Kéo dài từ 200 B đến 530 B, 730 Đ đến 1350 Đ.

+ Tiếp giáp 14 quốc gia. Diện tích:  9572,8 triệu km2.

+ Biên giới là núi cao và hoang mạc ở phía tây, nam và bắc.

+ Phía Đông giáp biển, gần với Nhật Bản, Hàn Quốc, Đông Nam Á (trong đó có Việt Nam).

+ Cả nước có 22 tỉnh, 5 khu tự trị và 4 thành phố trực thuộc trung ương. Ven biển có hai đặc khu hành chính là Hồng Kông và Ma Cao. Đảo Đài Loan là một bộ phận lãnh thổ của Trung Quốc

⇒ Thiên nhiên đa dạng, dễ mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực và thế giới.

**Câu 2: so sánh điều kiện tự nhiên của 2 miền tự nhiên của Trung Quốc ?(2đ)**

 Tự nhiên đa dạng có sự phân hoá giữa Đông Tây của lãnh thổ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Yếu tố tự nhiên*** | ***Miền Đông*** | ***Miền Tây*** |
| *Vị trí, diện tích, lãnh thổ* | Trải dài từ miền duyên hải đến đất liền, đến kinh tuyến 1050 Đ, chiếm 50% S lãnh thổ. | 730 Đ đến 1050 Đ |
| *Địa hình* | Đồng bằng châu thỗ ven biển, đất phù sa màu mỡ,đồi thấp phía tây=> thuận lợi phát triển nông nghiệp | Núi cao, cao nguyên, sơn nguyên đồ sộ xen bồn địa => giao thông khó khăn, phát triển đồng cỏ và trồng rừng |
| *Khí hậu* | Thuộc khu vực gió mùa, phía Bắc ôn đới, phía Nam cận nhiệt. | Ôn đới lục địa khắc nghiệt, khí hậu núi cao.khí hậu hoang mạc và bán hoang mạc  |
| *Sông ngòi* | Hạ lưu các Sông lớn (Trường Giang, Hoàng Hà...) → có giá trị về kinh tế song cũng nhiều thiên tai. | Nơi bắt nguồn các sông lớn |
| *Khoáng sản* | Phong phú : than, dầu mỏ, quặng sắt, đặc biệt là kim loại màu | Đa dạng : giàu khoáng sản: Dầu khí, than, sắt. |
| *ảnh hưởng* | -Thuận lợi phát triển ngành nông nghiệp,công nghiệp, giao thông vận tải...- Thiên tai, lụt lội, bão... | - thuận lợi phát triển lâm nghiệp, chăn nuôi gia súc, khai thác khoáng sản- giao thông không thuận lợi,  |

**Câu 3: điều kiện thuận lợi để nông nghiệpTrung Quốc phat triển ?( 1đ)**

- Tự nhiên: Đất đai sản xuất nông nghiệp màu mỡ. Khí hậu đa dạng. Nguồn nước dồi dào...Nhưng Diện tích đất canh tác chỉ chiếm 7% thế giới mà phải nuôi 20% dân số thế giới

- Kinh tế - xã hội: Lao động dồi dào; Chính sách phát triển nông nghiệp của Nhà nước hợp lí; Cơ sở hạ tầng. khoa học kỉ thuật… ngày càng phát triển

**Câu 4:Ngành công nghiệp Trung Quốc đã có sự chuyển đổi kinh tế như thế nào?( 2đ)**

– Chuyển từ nền kinh tế chỉ huy sang nền kinh tế thị trường.

- các nhà máy, xí nghiệp được chủ động trong việc lập kế hoạch sản xuất và tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm

– TQ thực hiện chính sách mở cửa, tăng cường trao đổi hàng hóa với thị trường thế giới.

– Cho phép các công ty, doanh nghiệp nước ngoài tham gia đầu tư, quản lí sản xuất công nghiệp tại các đặc khu, khu chế xuất.

– Chủ động đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị, phát triển và ứng dụng công nghệ cao cho các ngành công nghiệp

– Từ năm 1994 Trung Quốc thực hiện chính sách công nghiệp mới, tập trung chủ yếu vào 5 ngành: chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và xây dựng.

- phát triển các ngành công nghiệp kỉ thuật cao: điện tử, cơ khí chính xác, sản xuất máy móc tự động. Chế tạo thành công tàu vũ trụ và đưa người vào vũ trụ

– Sử dụng lực lượng lao động dồi dào và nguyên vật liệu sẵn có ở địa bàn nông thôn để phát triển các ngành công nghiệp vật liệu xây dựng, đồ gốm, dệt may, hàng tiêu dùng

**Câu 5: dựa vào bảng số liệu :** Tính , vẽ biểu đồ tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của Trung Quốc (3 đ)

 + đơn vị %

 + chỉ cần viết 1 công thức mẫu, nếu không có trừ 0,5 đ

 + sai kết quả một sản trừ 0,25

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Sản phẩm** | **1985** | **1995** | **2004** |
| **Than** | **100** | **159,8** | **170** |
| **Điện** | **100** | **244,8** | **559,9** |
| **Thép** | **100** | **202,1** | **580,4** |
| **Xi măng** | **100** | **326** | **664,4** |

b) (2đ)

+ sai tỉ lệ trừ 1đ

+ không số liệu trừ 0,5đ

+ không tên biểu đồ trừ 0,5đ

+ sai khoảng cách năm trừ 0,5đ cho 1 năm

+ không, sai chú giải trừ 0,5đ